

Bản án số: 31/2025/HS-ST
Ngày 05-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quyết Tiến; bà Đào Kim Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Âu Bá Lăng - Kiểm sát viên trung cấp và ông Đỗ Tuấn Sỹ - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 05/6/2025, tại Phòng xử án Hình sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2025/TLST-HS ngày 07/5/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HS ngày 26/5/2025 đối với các bị cáo:

1. Phan Văn P, sinh năm 2001, tại huyện M, tỉnh H; CCCD số 002201006452, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 08/4/2024; nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện M, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Phan Tò Sính (*đã chết*) và bà Hoàng Thị M, sinh năm 1981; vợ là Triệu Thị K, sinh năm 2000; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; *có mặt*;

2. Hoàng Thị M, sinh năm 1982, tại huyện M, tỉnh H; CCCD số 002182004303, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 17/12/2021; nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện M, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: Không học; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Hoàng Ly P (*đã chết*) và bà Phan Mây V (*đã chết*); chồng là Phan Tò S (*đã chết*); hiện nay Hoàng Thị M đang sống cùng Sùng Mí L, sinh năm 1981 như vợ chồng tại Thôn L, xã X, huyện M, tỉnh H; có 01 con sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; *có mặt*;

3. Sùng Mí L, sinh năm 1981, tại huyện M, tỉnh H; CCCD số 002081006172, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 07/6/2022; nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện

M, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không học; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Sùng Mí V (*đã chết*) và bà Chá Thị M (*đã chết*); vợ là Vừ Thị S, sinh năm 1985 (*bỏ đi Trung Quốc lấy chồng từ năm 2010*); hiện nay Sùng Mí L đang sống cùng Hoàng Thị M, sinh năm 1982 như vợ chồng tại Thôn L, xã X, huyện M, tỉnh H; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2007;

* *Tiền sự*: Không;

* *Tiền án*: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2012/HSST ngày 29/02/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xử phạt Sùng Mí L 10 năm tù về tội "*Mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em*" theo điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999, về trách nhiệm dân sự buộc Sùng Mí L phải liên đới bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại bà Già Thị Già số tiền 3.600.000đ. Tại Bản án số 248/2012/HSPT ngày 22/5/2012 của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Sùng Mí L, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2012 ngày 29/02/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Ngày 15/01/2018, L chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương nhưng chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; *có mặt*;

4. Vi Văn B, sinh năm 1991, tại huyện M, tỉnh H; CCCD số 002091008108, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 15/6/2021; nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện M, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Xuông; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Vi Chấn L (*đã chết*) và bà Chảo Thị L, sinh năm 1951; vợ là Chảo Thị N, sinh năm 1993; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. *có mặt*.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phàn Văn P, Sùng Mí L*: Luật sư Nguyễn Xuân Quý, sinh năm 1961 - Văn phòng Luật sư Nguyễn Xuân Quý thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang, tham gia trợ giúp pháp lý; **địa chỉ: Tổ 02, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. có mặt.**

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị M, Vi Văn B*: Luật sư Phạm Thị Loan, sinh năm 1957 - Văn phòng Luật sư Phạm Thị Loan và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang tham gia trợ giúp pháp lý; **địa chỉ: Tổ 07, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. có mặt.**

- *Người làm chứng*: Chị Triệu Thị K, sinh năm 2000; anh Hứa Văn P, sinh năm 1992; (*chị K có mặt, anh P vắng mặt không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/11/2024, Đoàn Biên phòng Xín Cái - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang, tiếp nhận thông tin từ Cục Công an huyện Phú Ninh, Châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc điều tra vụ xuất cảnh trái phép, quá trình điều tra đối tượng Lục Hạo B, sinh năm 1990, trú tại số 1, ngõ Nhà Trẻ, tổ 4, Sao Đỏ, đường La Hùng, huyện La B, thành phố Khúc Tĩnh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, khai nhận: Ngày 10/10/2024, dưới sự sắp xếp của người khác, đối tượng đã nhập cảnh trái phép vào Việt Nam tại khu vực Mốc 463 biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Khi vào đến lãnh thổ Việt Nam, Lục Hạo B được một người phụ nữ Việt Nam đón và một người đàn ông Việt Nam sử dụng xe máy đưa từ khu vực biên giới đi sâu vào lãnh thổ Việt Nam. Trên đường đi Lục Hạo B bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ, sau đó đến ngày 21/10/2024 được trao trả cho Đoàn Công an biên giới Điện Biên.

Quá trình điều tra đã xác định được: Khoảng 22 giờ ngày 09/10/2024, Phan Văn P đang ở thành phố Hà Giang thì nhận được cuộc gọi qua ứng dụng mạng xã hội “Wechat” của 01 người đàn ông Trung Quốc (*không biết họ tên, địa chỉ, P quen qua Wechat vào giữa năm 2023*) nói với P ngày M khoảng 11 giờ 30 phút ngày 10/10/2024 đến khu vực Mốc 463 thuộc địa phận thôn Sín Phìn Chư, xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc, đón 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để đi Campuchia và bảo P đưa hai người này đến khu vực bãi khai thác đá phía dưới UBND xã Tả Lũng, huyện Mèo Vạc sẽ có người khác đến đón đi tiếp, giao người xong thì quay lại địa điểm đón người, người này sẽ trả tiền công 900CNY/01 người cho P (*trương đương 3.156.300 VND*), đồng thời gửi cho P số điện thoại của 01 người để P liên lạc người đó đón 02 người Trung Quốc ở Việt Nam (*không biết tên, địa chỉ, không quen biết, không nhớ số điện thoại*), P đồng ý.

Khoảng 07 giờ ngày 10/10/2024, P gọi điện thoại cho Sùng Mí L, với mục đích bảo L đi đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nhưng không liên lạc được. Sau đó, P gọi điện thoại cho Hoàng Thị M (*mẹ đẻ của P*), khi gọi cho M, P hỏi M là L có ở nhà không mà P gọi điện thoại không liên lạc được (*L và M chung sống như vợ chồng*), M cho biết L đang ở nhà của L tại thôn Sín Phìn Chư, xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc, P bảo M là khoảng 11 giờ 30 phút đến đón 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, tại hàng rào biên giới Việt Nam - Trung Quốc gần Mốc 463, phía dưới chân hàng rào có một lỗ hồng, hai người Trung Quốc sẽ chui qua đó, M đón hai người Trung Quốc rồi đưa đến khu vực có đường ô tô để L và B đưa đến thị trấn Mèo Vạc giao cho P, M đồng ý.

Sau đó, P tiếp tục gọi điện thoại cho Vi Văn B, bảo B khoảng 11 giờ 30 phút đến khu vực Mốc 463, thuộc thôn Sín Phìn Chư, xã Thượng Phùng, Mèo Vạc, đón 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đưa đến thị trấn Mèo Vạc cho P, do P đang ở thành phố Hà Giang nên không đi đón được, B đi đón P sẽ trả tiền công 1.200.000đ/01 người. B hỏi P đón người tại địa điểm nào, P bảo B cứ đi xe máy đến khu vực có đoạn đường ô tô có bờ kè (*thuộc khu vực Mốc 463*) thì M sẽ đưa người đến

đoạn đường bằng rồi B chở đến thị trấn Mèo Vạc, B nói có 02 người B không chở được hết, P trả lời B và L mỗi người chở 01 người thì B đồng ý. Gọi điện thoại cho B xong, P đón xe khách từ thành phố Hà Giang đến thị trấn Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc, trên đường đi khoảng 09 giờ ngày 10/10/2024, Phan Văn P tiếp tục gọi điện thoại cho L, P bảo L trưa nay có 02 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Việt Nam, L đi đến đoạn đường có bờ kè gần Mốc 463 chờ tại đó, M đón người từ biên giới đi đến khu vực có đường ô tô thì L và B mỗi người chở 01 người đưa đến thị trấn Mèo Vạc cho P, L đồng ý.

Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, người Trung Quốc mà P đã quen qua mạng xã hội Wechat gọi điện thoại thông báo cho P biết 02 người Trung Quốc đã đi gần đến biên giới Trung Quốc - Việt Nam, người này bảo P đến đón. Sau đó, P gọi điện thoại hỏi M đã đến Mốc 463 chưa? M cho biết sắp đến giờ đi đón cháu tại trường học, M đón cháu về nhà rồi sẽ đi, P gọi điện thoại cho B hỏi B đã đi chưa? B cho biết đang chuẩn bị đi, P nói cho B biết M và L đã đến khu vực Mốc 463, người Trung Quốc sắp đến đó rồi, B đồng ý.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, Phan Văn P đi đến bến xe khách huyện Mèo Vạc, P đi đến nhà Sùng Vả Đình, ở thôn Pả Vi Hạ, xã Pả Vi, huyện Mèo Vạc lấy xe mô tô điều khiển đi đến cột Mốc số 0 gần sân vận động huyện Mèo Vạc chờ tại đây (*Trước đó vào ngày 07/10/2024 P gửi xe moto của P BKS 23P1-118.66, nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha tại nhà Đình*).

Khoảng 13 giờ cùng ngày, trước khi đi đón 02 người Trung Quốc, M gọi điện thoại bảo L đến khu vực cột Mốc 463 (*có tên gọi Tà Cua Lâu*) đón 02 người Trung Quốc để đưa đến thị trấn Mèo Vạc, L cho M biết đã được P nói cho L biết rồi. Tiếp đó, M gọi điện thoại cho B nói có 02 người Trung Quốc đi Mèo Vạc, B trả lời P đã nói với B rồi. M đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Siritur, màu xanh đen, BKS 23 P1- 029.10, đăng ký xe mang tên Phan Tờ Sính (*chồng của M đã chết, xe không gắn biển kiểm soát*) M đi qua đường tắt từ khu vực gần UBND xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc đến đoạn đường bê tông, trên đường đi M gọi điện thoại hỏi B sắp đến nơi chưa? đi đến đâu rồi?. B cho biết đang đi trên đường sắp đến nơi rồi, M bảo B cứ đi theo đường đến gần trạm kiểm soát Covid trước đây và chú ý đến đoạn đường hơi lên dốc, tại đó có một cột Mốc (*không có chữ và số*) chú ý phía bên phải đường có người chờ tại đó. M tiếp tục điện thoại cho L nhưng không liên lạc được, do sợ L không đi đón người, M điều khiển xe máy đến đoạn có đường đối diện Mốc 463 (*địa điểm M đã hẹn B và L*) giấu xe mô tô, M nhìn thấy xe mô tô của M nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, BKS 23P1-127.00 (*đăng ký tên Hoàng Thị M*) do L sử dụng đã giấu tại đây, nhưng không thấy L đâu. Hoàng Thị M đi theo lối mòn đến một khe đá tại chân hàng rào biên giới Việt Nam -Trung Quốc, cách Mốc 463 khoảng 10 mét có lỗ hồng nhưng không thấy 02 người Trung Quốc đến, M trốn trong bụi cỏ rậm khoảng 05 đến 10 phút sau, M nghe thấy phía bên Trung Quốc có tiếng người huýt sáo, M đứng dậy nhìn thấy 03 người đàn ông Trung Quốc đi đến sát hàng rào, M vẫy tay ra hiệu thì có hai người đàn ông Trung Quốc chui qua lỗ hồng phía dưới chân hàng rào

dây thép gai để vào Việt Nam, còn 01 người Trung Quốc quay trở lại. Sau khi 02 người Trung Quốc chui qua lỗ hồng vào Việt Nam, do M biết tiếng Trung Quốc nên qua nói chuyện, M đưa hai người Trung Quốc đi theo đường mòn đến địa điểm đã hẹn nhưng không thấy L và B, M bảo 02 người Trung Quốc trốn trong bụi cây cùng M, được một lúc sau thấy L đi bộ trên đồi phía đối diện, do không có sóng điện thoại M không gọi điện thoại được cho L, M đứng dưới đường vẫy tay cho L xuống đường đón người nhưng L không nhìn thấy, M tiếp tục trốn vào bụi cây. Khoảng 14 giờ cùng ngày, B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter 135 (*B mua lại xe này của Hứa Văn P, sinh năm 1992, trú tại thôn Phe Thán, xã Sơn Vĩ, huyện M, tỉnh H, chiếc xe này Phà mua lại của một người ở tỉnh Yên Bái cách đây khoảng 03 năm (BL239), B và Phà đều không nhớ được Biển kiểm soát*) đi qua địa điểm đã hẹn (*nơi M cùng 02 người Trung Quốc trốn*), B nhìn thấy L đang đứng trên đường một mình nhưng không thấy M và 02 người Trung Quốc, B đi tiếp đến đỉnh dốc trạm kiểm soát dịch Covid có sóng điện thoại, B gọi điện thoại cho P biết là B đang trên đỉnh dốc nhưng không thấy người, P bảo B quay lại chỗ cột Móc chú ý xem chắc người ở gần đây, B điều khiển xe máy quay lại thì M nghe thấy tiếng xe mô tô đến, M bảo 01 người đàn ông Trung Quốc là xe đến rồi đi thôi B chở một người Trung Quốc đi trước, cùng lúc này L cũng đến nơi, M bảo người thứ 02 đi lên khu vực có đường ô tô rồi ngồi lên xe mô tô của Sùng Mí L để L chở đi theo sau xe mô tô của Vi Văn B, còn M đến địa điểm đã giấu xe mô tô để lấy xe mô tô quay về.

Trên đường chở người Trung Quốc, L và B đi cách nhau khoảng 10 đến 15 mét, đến khu vực ngã ba đường bê tông thuộc thôn Sín Phìn Chư, xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc, B chở một người đàn ông Trung Quốc đi theo đường bê tông qua thôn Hàu Lũng Sán, xã Thượng Phùng để đi đến thị trấn Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc. L chở một người đàn ông Trung Quốc đi theo khu vực có đường ô tô qua thôn Sín Phìn Chư, qua cổng Đồn Biên phòng Xín Cái để đi đến thị trấn Mèo Vạc. Khi L đi đến ngã ba đường đi Xín Cái - Thượng Phùng (*thuộc thôn Lùng Thúng, xã Xín Cái*) gặp tổ tuần tra giao thông Công an huyện Mèo Vạc, dừng xe kiểm tra theo thủ tục hành chính thì phát hiện người ngồi phía sau L là người Trung Quốc không có giấy tờ tùy thân, tổ công tác đã thông báo cho Công an xã, Đồn Biên phòng Xín Cái biết để đến đưa L và người đàn ông Trung Quốc đến Đồn Biên phòng Xín Cái để làm việc. Tại đây người đàn ông Trung Quốc khai nhận tên là Lục Hạo B, còn người Trung Quốc mà B chở tên là Hà Hoa B.

Sau khi bị Cảnh sát giao thông dừng xe kiểm tra, L đã gọi điện thoại thông báo cho M biết, do xe mô tô L điều khiển chở Lục Hạo B là xe mô tô của M nên L bảo M phải xuống lấy, M dặn L nếu Đồn Biên phòng với Công an xã đến thì xóa hết toàn bộ lịch sử cuộc gọi trong điện thoại để tránh Công an kiểm tra phát hiện và phải gọi điện thoại ngay cho P. Ngay sau đó, M và L cùng gọi điện thoại cho P kể toàn bộ sự việc xảy ra, P bảo L nếu Công an xã và Đồn Biên phòng mời đến làm việc thì khai là L làm xe ôm chở người từ cửa khẩu Săm Pun đi thị trấn Mèo Vạc, đồng thời xóa hết lịch sử cuộc gọi tránh bị phát hiện. Nghe theo M và P hướng dẫn, L đã xóa hết lịch sử các cuộc gọi trong điện thoại của L.

Sau khi P nhận được điện thoại của M và L thông báo L và người Trung Quốc đã bị bắt giữ, P điện thoại hỏi B đi đến đâu rồi, B cho biết đã đi qua thôn Sả Nhì Lũ - xã Xín Cái rồi, Phan Văn P hỏi B 02 người đi cùng nhau tại sao một người lại bị bắt, B nói mình đi qua đường Thượng Phùng, còn L đi qua đường Sín Phìn Chư đến Lũng Thúng nên bị Công an giao thông bắt giữ, B qua đường vòng nên đến sau và đi qua tổ công tác không bị tổ công tác dừng xe. Phan Văn P gọi điện thoại qua mạng “WeChat” thông báo cho người bên kia Trung Quốc biết thông tin một người đã bị bắt chỉ còn một người, người Trung Quốc này nói cứ đưa đi và giao cho người nhận là được. Sau đó, P gọi điện thoại hỏi B đi đến đâu rồi, B nói đến đầu cầu Trảng Hương (*thuộc địa phận thôn Bản Chuối, xã Xín Cái*), B hỏi P người còn lại làm thế nào, P bảo cứ đưa đi tiếp. Khoảng 16 giờ cùng ngày B chở người Trung Quốc đến thị trấn Mèo Vạc rồi gọi điện thoại (*qua mạng Telegram*) thông báo cho P biết, P bảo B đưa người Trung Quốc đến khu vực qua cây xăng bên xe huyện Mèo Vạc, P đón tại đó. B tiếp tục chở người Trung Quốc đi qua địa điểm P hẹn, không thấy P nên B cứ đi theo đường đến khu vực qua trường dạy nghề huyện Mèo Vạc (*hướng đi từ Mèo Vạc đi xã Lũng Phìn, huyện Đồng Văn*) thì gặp P một mình đứng chờ tại đây, B giao người Trung Quốc cho P rồi đi về. Còn P gọi số điện thoại mà người bên Trung Quốc đã gửi cho P bảo đến đón Hà Hoa B, người này bảo P cứ cho Hà Hoa B chờ tại bãi khai thác đá gần đó sẽ có người đón, P cho Hà Hoa B chờ tại đây rồi đi về nhà. Khoảng 02 ngày sau Vi Văn B gặp Phan Văn P tại thị trấn Mèo Vạc, Phan Văn P đưa cho Vi Văn B 1.200.000đ tiền công B đã chở Hà Hoa B. Số tiền này B đã chi tiêu hết vào sinh hoạt gia đình.

Cáo trạng số 17/CT-VKSHG-P1, ngày 05/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Phan Văn P, Hoàng Thị M, Sùng Mí L, Vi Văn B về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Văn P, Hoàng Thị M, Sùng Mí L, Vi Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội, giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích, đánh giá nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội; hậu quả của tội phạm; vai trò của từng bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Văn P, Hoàng Thị M, Sùng Mí L, Vi Văn B phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Văn P từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 15/11/2024.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị M từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 15/11/2024.

Xử phạt bị cáo Vi Văn B từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 15/11/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Sùng Mí L từ 18 đến 24 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 15/11/2024.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, sung ngân sách Nhà nước đối với các vật chứng là tài sản các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt trước màu đen, mặt sau màu tím, nhãn hiệu IPHONE 14 PROMAX; bên trong lắp 01 sim điện thoại số 0866.916.961, điện thoại đã qua sử dụng, không đánh giá chất lượng (*thu giữ của Phan Văn P*).

- 01 chiếc xe mô tô; nhãn hiệu: HONDA; Màu sơn: Đỏ đen; Biển số đăng ký: 23P1-127.00; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001690; (*thu giữ của Sùng Mí L*).

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy; bên trong lắp 02 sim điện thoại, số sim 1: 0838.231154, số sim 2: 0869.057.358; (*thu giữ của Sùng Mí L*).

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu OPPO RENO2Z; bên trong lắp 01 sim điện thoại số 0367.052.558; Điện thoại đã qua sử dụng, không đánh giá chất lượng (*thu giữ của Hoàng Thị M*)

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt trước màu đen, mặt sau màu xanh dương, nhãn hiệu IPHONE 13 PROMAX; bên trong lắp 01 sim điện thoại số 0325705691 (*thu giữ của Vi Văn B*).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Trong phần tranh luận, Luật sư Nguyễn Xuân Quý là người bào chữa cho bị cáo Phan Văn P và bị cáo Sùng Mí L trình bày: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, truy tố các bị cáo Phan Văn P, Sùng Mí L về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép*”, nội dung luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tính chất mức độ, hành vi phạm tội; do các bị cáo sinh sống ở khu vực biên giới có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Các bị cáo đều không phải là người

chủ mưu, khởi sự, phạm tội do cuộc sống nghèo khó, được rủ rê hứa trả tiền công, một phần cũng vì chưa nhận thức đầy đủ mức độ nguy hại của hành vi tổ chức cho người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử **xem** cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Về án phí: Cả 02 bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị cáo.

Luật sư Phạm Thị Loan là người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị M và bị cáo Vi Văn B trình bày: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Hoàng Thị M, Vi Văn B về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án. Vì vậy, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt như Kiểm sát viên đã đề nghị cũng đủ tính răn đe đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật. Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Hoàng Thị M, Vi Văn B..

Các bị cáo Phan Văn P, Hoàng Thị M, Sùng Mí L, Vi Văn B nhất trí với quan điểm bào chữa của các Luật sư, không có ý kiến bổ sung và không tham gia tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận: Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đã nhận thức được hành vi sai trái, vi phạm pháp luật của mình, kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xử phạt mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội. Riêng bị cáo Hoàng Thị M xin được hưởng án treo, vì Phan Văn P là con đẻ của bị cáo đều bị kết tội trong cùng một vụ án; hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, vợ **bị cáo P** sức khỏe yếu, không có công ăn việc làm ổn định, một mình đang phải nuôi 03 người con còn nhỏ, đang ở độ tuổi ăn học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HS ngày 26/5/2025, Tòa án triệu tập anh Hứa Văn P, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Phe Thán, xã Sơn Vĩ, huyện M, tỉnh H, tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, tại thời điểm mở phiên tòa, xét thấy việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ về tài sản của anh P, do đó Hội đồng xét xử xác định lại anh P là người làm chứng trong vụ án. Tại phiên tòa, anh P vắng mặt không lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của anh P không gây trở ngại cho việc xét xử, vì vậy căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa các bị cáo Phan Văn P, Hoàng Thị M, Sùng Mí L, Vi Văn B đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của công dân người Trung Quốc và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc (*bút lục 01 đến 03*); Biên bản và bản ảnh nhận dạng (*bút lục từ 241 đến 257*); Biên bản làm việc về việc kiểm tra dữ liệu điện thoại di động của bị cáo Phan Văn P (*bút lục 315, 316*); Bản ảnh chụp từ màn hình điện thoại của bị cáo Phan Văn P (*bút lục từ 318 đến 335*); Biên bản làm việc về việc kiểm tra dữ liệu điện thoại di động của bị cáo Hoàng Thị M (*bút lục 336, 337*); Bản ảnh chụp từ màn hình điện thoại của bị cáo Hoàng Thị M (*bút lục từ 338 đến 340*); Biên bản làm việc về việc kiểm tra dữ liệu điện thoại di động của bị cáo Vi Văn B (*bút lục 341, 342*); Bản ảnh chụp từ màn hình điện thoại của bị cáo Vi Văn B (*bút lục từ 343 đến 346*); Biên bản làm việc về việc kiểm tra dữ liệu điện thoại di động của bị cáo Sùng Mí L (*bút lục 347, 348*); Biên bản làm việc về việc kiểm tra tài khoản wechat của bị cáo Phan Văn P (*bút lục 349*); Bản ảnh chụp từ màn hình điện thoại tài khoản wechat của bị cáo Phan Văn P (*bút lục 350 đến 362*)...

[4]. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ, ngày 09/10/2024, Phan Văn P nhận được cuộc gọi qua ứng dụng Wechat của một người đàn ông người Trung Quốc (*quen qua Wechat từ giữa năm 2023 nên không biết tên tuổi, địa chỉ*) nói khoảng 11 giờ 30 phút ngày 10/10/2024, có hai người Trung Quốc muốn nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua khu vực Mốc 463 thuộc thôn Sín Phìn Chư, xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc để đi sang Campuchia, trao đổi với P để lên Mốc 463 đón hai người Trung Quốc rồi đưa ra đến khu vực bãi đá dưới UBND xã Tả Lũng, huyện Mèo Vạc thì có người đón, tiền công là 900CNY/01 người (*tương đương 3.156.300 VNĐ*). Đến khoảng 07 giờ ngày 10/10/2024 P gọi điện thoại cho Sùng Mí L để bảo L đi đón người Trung Quốc nhưng không liên lạc được, sau đó P gọi điện thoại cho mẹ đẻ của P là Hoàng Thị M, khi gọi P nói khoảng 11 giờ 30 phút M lên khu vực Mốc 463, đến chỗ có lỗ hồng ở chân hàng rào biên giới sẽ có hai người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, P nói M đưa hai người này ra khu vực có đường ô tô để L và B chở đi ra thị trấn Mèo Vạc, M đồng ý. Phan Văn P tiếp tục gọi điện thoại cho Vi Văn B nói B lên khu vực Mốc 463 đón hai người Trung Quốc nhập

cảnh trái phép vào Việt Nam rồi chở một người ra thị trấn Mèo Vạc giao cho P với tiền công là 1.200.000đ/01 người, B đồng ý. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, P gọi điện thoại cho L, khi L nghe máy P nói đi đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, L đồng ý. Sau đó cả M, L, B đều điều khiển xe mô tô đi đến khu vực Mốc 463 để đón hai người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam tên là Lục Hạo B và Hà Hoa B. M đón Lục Hạo B và Hà Hoa Bình từ chân hàng rào biên giới xuống đường mòn và trốn trong bụi cây chờ L và B đến đón, sau đó L chở Lục Hạo B, B chở Hà Hoa B đi sâu vào nội địa Việt Nam, còn M tự điều khiển xe đi về nhà. B chở Bình đến khu vực trường dạy nghề huyện Mèo Vạc gặp P đang đứng một mình ở đó, B giao Bình cho P rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà, P gọi điện thoại cho người bên Trung Quốc, người này bảo P cứ cho Bình chờ tại bãi khai thác đá gần đó sẽ có người đón, P dặn Bình đứng chờ tại đây rồi đi về. Còn L chở Lục Hạo B đến khu vực thôn Lùng Thúng, xã Xín Cái, huyện M, tỉnh H thì bị cảnh sát giao thông dừng xe kiểm tra, phát hiện Lục Hạo B không có giấy tờ tùy thân nên cán bộ Cảnh sát giao thông thông báo cho Đồn Biên phòng Xín cái biết, đến ngày 21/10/2024, Lục Hạo B được Đồn Biên phòng Xín cái - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang trao trả cho Đồn Công an biên giới Điện Biên, Trung Quốc. Sau khi sự việc xảy ra, P thông báo cho Người đàn ông Trung Quốc biết sự việc Lục Hạo B bị bắt nên người đàn ông Trung Quốc không trả số tiền công 900CNY/01 người (*tương đương 3.060.000 VNĐ*) cho P, nhưng P vẫn trả tiền công cho B là 1.200.000đ theo thỏa thuận trước đó. Như vậy, hành vi của các bị cáo thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "*Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép*", theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù.

[5]. Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động quản lý xuất, nhập cảnh của cơ quan Nhà nước, xâm phạm vào chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước, là khách thể được pháp luật Hình sự Việt Nam bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh biên giới giữa 02 nước Việt Nam - Trung Quốc. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện nhận thức được việc nhập cảnh vào Việt Nam mà không được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì háo lợi nên sau khi được đặt vấn đề tổ chức nhập cảnh để được hưởng tiền công, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Việc các bị cáo đón 02 công dân Trung Quốc vào Việt Nam không có sự kiểm soát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, là nguy cơ tiềm ẩn, phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự, với mức án nghiêm minh nhằm cải tạo các bị cáo và có ý nghĩa răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[6]. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo **không phải là người khởi xướng**, chủ mưu, nhưng khi được người đàn ông Trung Quốc (*không xác định được tên tuổi, địa chỉ*) thuê đi đón 02 công dân Trung Quốc

nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để được, vì mục đích lợi nhuận bị cáo P đã đồng ý và tiếp tục gọi điện thuê bị cáo Vi Văn B, nhờ bị cáo Sùng Mí L (*bố dượng*) và bị cáo Hoàng Thị M (*mẹ đẻ*) thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất, câu kết, phân công nhiệm vụ thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức. Đối với bị cáo Phan Văn P là người trực tiếp liên lạc, thoả thuận với đối tượng người Trung Quốc về thời gian, địa điểm, số tiền công được hưởng để đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, sau đó P tiếp tục thuê B và nhờ M, L, đi đón 02 công dân Trung Quốc nên bị cáo Phan Văn P **là người khởi xướng có** vai trò chính trong vụ án này. Các bị cáo Hoàng Thị M, Sùng Mí L, Vi Văn B, là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó: Bị cáo M đón 02 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ chân hàng rào biên giới xuống đường mòn và trốn trong bụi cây chờ L và B đến đón, L và B dùng xe mô tô trở 02 công dân Trung Quốc đi sâu vào nội địa Việt Nam.

[7]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phan Văn P, Vi Văn B, Hoàng Thị M không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Sùng Mí L, ngày 29/02/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xử phạt 10 năm tù về tội "*Mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em*", bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 248/2012/HSPT ngày 22/5/2012, Tòa phúc thẩm tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Sùng Mí L, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2012 ngày 29/02/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Ngày 15/01/2018, L chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương nhưng chưa cấp hành xong phần bồi thường dân sự, do đó bị cáo Sùng Mí L thuộc trường hợp "*Tái phạm*", là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Phan Văn P, Hoàng Thị M, Sùng Mí L, Vi Văn B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo Sùng Mí L thuộc diện hộ nghèo; bị cáo Vi Văn B có xác nhận của UBND xã Sơn Vĩ, huyện Mèo Vạc xác nhận là lao động chính. Do vậy, các bị cáo cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9]. Về hình phạt chính: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, như đã nhận định tại đoạn [5]. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[10]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*". Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không lợi dụng nghề nghiệp để phạm tội; mặt

khác các bị cáo đều không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11]. Về vật chứng: Căn cứ vào kết quả điều tra và tranh tụng công khai tại phiên tòa, xác định rõ các bị cáo đã sử dụng xe máy của gia đình, điện thoại cá nhân để liên lạc và đón 02 công dân người Trung Quốc trong suốt quá trình nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Theo đó, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự để tịch thu sung ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

- *Tịch thu của bị cáo Phan Văn P:* 01 chiếc điện thoại di động (*màn hình cảm ứng*), mặt trước màu đen, mặt sau màu tím, nhãn hiệu IPHONE 14 PROMAX; số máy: MQ9X3VN/A; số sê ri: M52C2N3295; IMEI 1: 354132413097547; IMEI 2: 354132413103642; bên trong lắp 01 (một) sim điện thoại: số sim 0866.916.961, điện thoại đã qua sử dụng, không đánh giá chất lượng.

- *Tịch thu của bị cáo Sùng Mí L:* 01 chiếc xe mô tô; nhãn hiệu: HONDA; Màu sơn: Đỏ đen; Số khung: RLHJA3839MY115558; Số máy: JA52E0298095; Số loại: WEVERSX; Biển số đăng ký: 23P1-127.00; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 001690; 01 chìa khóa xe mô tô có chữ Honda; 01 chiếc điện thoại di động (*màn hình cảm ứng*), màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy; mẫu máy: S21FE5G; số seri: R5CT71AF5ME; IMEI 1: 352970500060379; IMEI 2: 2353232940060371; điện thoại đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy, bên trong lắp 02 sim điện thoại: số sim 1: 0838.231154 số sim 2: 0869.057.358.

- *Tịch thu của bị cáo Hoàng Thị M:* 01 chiếc điện thoại di động (*màn hình cảm ứng*), màu đen, nhãn hiệu OPPO RENO2Z; phiên bản: băng tần cơ sở và nhân; kiểu máy: CPH 1945; số IMEI 1: 866984040952374; IMEI 2: 866984040952366; bên trong lắp 01 sim điện thoại: số sim 0367.052.558; điện thoại đã qua sử dụng, không đánh giá chất lượng.

- *Tịch thu của bị cáo Vi Văn B:* 01 chiếc điện thoại di động (*màn hình cảm ứng*), mặt trước màu đen, mặt sau màu xanh dương, nhãn hiệu IPHONE 13 PROMAX; số máy: MLEG3LL/A; số sê ri: R2Q690XWPH0; IMEI 1: 352996434097484; IMEI 2: 352996434187830; bên trong lắp 01 sim điện thoại: số sim 0325705691.

[12]. Về số tiền thu lời bất chính: Bị cáo Vi Văn B đã nhận của bị cáo Phan Văn P số tiền 1.200.000đ là tiền công chở người Trung Quốc, bị cáo B đã chi tiêu sinh hoạt hết, xác định đây là khoản tiền thu lời bất chính nên Hội đồng xét xử cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

[13]. Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[14]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung và xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15]. Quan điểm đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo về cơ bản là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16]. Đối với người đàn ông Trung Quốc, bị cáo P khai người này đã gọi điện thoại cho P thuê đón 02 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Tuy nhiên, bị cáo P và anh Lục Hạo B là công dân nhập cảnh trái phép cũng không biết thông tin cụ thể của người đàn ông này. Do vậy, Cơ quan ANĐT không có đủ căn cứ để trao đổi phía Công an Trung Quốc để xác minh làm rõ nhân thân, lai lịch cũng như vai trò của người này trong vụ án là có căn cứ.

[17]. Đối với Lục Hạo B là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Sau khi làm việc, ngày 21/10/2024 Đoàn Biên phòng Xín Cái đã tiến hành trao trả cho Công an Trung Quốc để xử lý theo quy định của pháp luật nước bạn.

[18]. Đối với Hà Hoa B là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Sau khi nhập cảnh vào Việt Nam đã được Vi Văn B đưa đến thị trấn Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc giao cho Phan Văn P, P giao cho người khác đón, sau đó đưa đến đâu không xác định được, ngày 16/11/2024, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã ban hành Công văn số 505/ANĐT-Đ2 về việc truy tìm người Trung Quốc vào địa bàn nhưng chưa có kết quả. Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra không có đủ căn cứ để truy tìm hoặc trao đổi phía Công an Trung Quốc để xác minh làm rõ nhân thân, lai lịch cũng như vai trò của Hà Hoa B trong vụ án.

[19]. Đối với người đàn ông P đã gọi điện thoại để đến đón Hà Hoa B vào ngày 10/10/2024, quá trình làm việc P khai không biết họ, tên, địa chỉ, không lưu số điện thoại của người này trong danh bạ, sự việc xảy ra từ ngày 10/10/2024 nhưng đến ngày 12/11/2024 Đoàn Biên phòng Xín Cái, huyện M, tỉnh H mới tiếp nhận nguồn tin do Cục Công an huyện Phú Ninh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc chuyển đến kèm theo thông tin lời khai của Lục Hạo B, do đó Cơ quan An ninh điều tra không có đủ cơ sở để truy tìm, xác minh, làm rõ.

[20]. Đối với vật chứng là chiếc xe mô tô Vi Văn B sử dụng làm phương tiện để chở người đàn ông Trung Quốc từ khu vực mốc biên giới 463 thuộc thôn Sín Phìn Chư, xã Thượng Phùng đến khu vực trường dạy nghề huyện Mèo Vạc, sau đó B đã bán chiếc xe này cho một người đàn ông B không rõ tên tuổi, địa chỉ với giá 6.000.000đ, khi bán B không viết giấy tờ mua bán, quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành xác minh nguồn gốc chiếc xe này do B mua lại của Hứa Văn P, sinh năm 1992, trú tại thôn Phe Thán, xã Sơn Vĩ, huyện M, tỉnh H, chiếc xe này Phà mua lại của một người ở tỉnh Yên Bái cách đây khoảng 03 năm, B và Phà

đều không nhớ được Biên kiểm soát của chiếc xe nên Cơ quan An ninh điều tra không có đủ cơ sở để truy tìm là có căn cứ.

[21]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Phàn Văn P**, **Hoàng Thị M**, **Sùng Mí L**, **Vi Văn B** phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; các bị cáo **Phàn Văn P**, **Vi Văn B** được áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Phàn Văn P** 02 (hai) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 15/11/2024).

- Xử phạt bị cáo **Hoàng Thị M** 01 (một) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 15/11/2024).

- Xử phạt bị cáo **Vi Văn B** 01 (một) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 15/11/2024).

Áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Sùng Mí L** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 15/11/2024).

* *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

- Truy thu của bị cáo **Vi Văn B** số tiền 1.200.000đ, tiền thu lời bất chính.

- *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước những tài sản sau:*

+ 01 chiếc điện thoại di động (*màn hình cảm ứng*), mặt trước màu đen, mặt sau màu tím, nhãn hiệu IPHONE 14 PROMAX; số máy: MQ9X3VN/A; số sê ri: M52C2N3295; IMEI 1: 354132413097547; IMEI 2: 354132413103642; điện thoại đã qua sử dụng; không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy, bên trong lắp 01 sim điện thoại: số sim 0866.916.961 (*thu giữ của Phàn Văn P*);

+ 01 chiếc xe mô tô, xe máy nhãn hiệu: HONDA; Màu sơn: Đỏ đen; Số khung: RLHJA3839MY115558; Số máy: JA52E0298095; Số loại: WEVERSX; Biển số đăng ký: 23P1-127.00, dung tích xi lanh 109,2cm³ xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng của xe (*thu giữ của Sùng Mí L*);

+ 01 chiếc điện thoại di động (*màn hình cảm ứng*), màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy; mẫu máy: S21FE5G; số seri: R5CT71AF5ME; IMEI 1: 352970500060379; IMEI 2: 2353232940060371; điện thoại đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy, bên trong lắp 02 (hai) sim điện thoại: số sim 1: 0838.231154 số sim 2: 0869.057.358 (*thu giữ của Sùng Mí L*).

+ 01 chiếc điện thoại di động (*màn hình cảm ứng*), màu đen, nhãn hiệu OPPO RENO2Z; phiên bản: băng tần cơ sở và nhân; kiểu máy: CPH 1945; số IMEI 1: 866984040952374; IMEI 2: 866984040952366; điện thoại đã qua sử dụng; không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy, bên trong lắp 01 sim điện thoại: số sim 0367.052.558; (*thu giữ của Hoàng Thị M*).

+ 01 chiếc điện thoại di động (*màn hình cảm ứng*), mặt trước màu đen, mặt sau màu xanh dương, nhãn hiệu IPHONE 13 PROMAX; số máy: MLEG3LL/A; số sê ri: R2Q690XWPH0; IMEI 1: 352996434097484; IMEI 2: 352996434187830; điện thoại đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy, bên trong lắp 01 (một) sim điện thoại: số sim 0325705691 (*thu giữ của Vi Văn B*).

(*Như biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/5/2025 giữa Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang*).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Phan Văn P, Hoàng Thị M, Sùng Mí L, Vi Văn B.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01, PA09, PV06 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Thị Thu Hà

